

Số: **1137** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **25** tháng **6** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng bản đồ số quốc gia (sau

đây gọi tắt là Kế hoạch nền tảng Bản đồ số quốc gia hay Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Cục: BC, PTTH&TTĐT, TTCS, TTĐN (để t/h);
- Trung tâm Thông tin (để t/h);
- Báo VietNamNet (để t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Cục CNTT và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (để p/h);
- Bộ Giao thông Vận tải: Tổng cục Đường bộ (để p/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Sở TT&TT các tỉnh, TP (để p/h);
- Lưu VT, QLDN (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Anh Tuấn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG NỀN TẢNG
BẢN ĐỒ SỐ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số **137**/QĐ-BTTTT ngày **23** tháng **6** năm 2022 của
 Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia với tiêu chí quy định tại Phụ lục I để tích hợp với địa chỉ số (sau đây gọi tắt là “Nền tảng Bản đồ số quốc gia”) nhằm thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- Xây dựng và phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia do người Việt Nam làm chủ về công nghệ. Cơ sở dữ liệu nền tảng do nhà nước, doanh nghiệp và người dân có trách nhiệm đóng góp, kiểm soát và được chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.
- Hoàn thành chỉ tiêu về dữ liệu nền tảng và công nghệ nền tảng trong chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Yêu cầu

- Triển khai quyết liệt “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” và “Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia”;
- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các bên để triển khai Kế hoạch: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải; các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia.
- Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên mọi phương tiện thông tin: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại; các nền tảng số, mạng xã hội.
- Phát triển hệ sinh thái các dịch vụ trên nền tảng Bản đồ số quốc gia; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; mang lại trải nghiệm tốt, nhanh chóng, thuận tiện, dễ sử dụng cho người dùng.

3. Đối tượng tham gia Kế hoạch

3.1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông tham gia điều phối, truyền thông, thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia, bao gồm:

- a) Cơ quan điều phối chung triển khai Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia: Vụ Quản lý doanh nghiệp;
- b) Cơ quan đầu mối thúc đẩy phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia: Vụ Quản lý doanh nghiệp;
- c) Các đơn vị chủ trì tổ chức công tác truyền thông cho Kế hoạch và cho nền tảng Bản đồ số quốc gia: các Cục Báo chí, Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử, Thông tin cơ sở, Thông tin đối ngoại, Trung tâm Thông tin, Báo VietNamNet, Tạp chí Thông tin và Truyền thông;
- d) Các cơ quan, đơn vị khác tham gia triển khai Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia và Kế hoạch này theo phân công của Lãnh đạo Bộ hoặc đề nghị của Cơ quan điều phối chung.

3.2. Mời Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia triển khai Kế hoạch:

- a) Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường;
- b) Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

3.3. Mời Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia triển khai Kế hoạch:

- a) Tổng cục Đường Bộ;
- b) Cục đường thủy nội địa.

3.4. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia triển khai Kế hoạch

- a) Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan.
- b) UBND các quận, huyện, thị xã.
- c) UBND các xã, phường, thị trấn.

3.5. Doanh nghiệp tham gia Kế hoạch

- a) Doanh nghiệp phát triển Nền tảng Bản đồ số.
- b) Doanh nghiệp nòng cốt phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Bưu điện Việt Nam).

3.6. Các đối tượng ứng dụng, khai thác

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng Bản đồ số quốc gia.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật¹

1.1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nền tảng Bản đồ số quốc gia vận hành trên nền tảng điện toán đám mây đáp ứng xử lý nhanh, mạnh và duy trì tính sẵn sàng cao.

1.2. Xây dựng, cập nhật, bổ sung dữ liệu không gian với các đối tượng dưới dạng đồ họa vector, các thông tin văn bản và hình ảnh phải được tích hợp, mỗi đối tượng được gán cho một lớp; dữ liệu thuộc tính như địa chính, địa giới hành chính các cấp, biển đảo, thủy hệ, giao thông, địa chỉ, địa điểm, biển báo giao thông... được thu thập từ các nguồn khác nhau có thể được liên kết đến các lớp, các đối tượng không gian tương ứng của chúng trên nền tảng Bản đồ số quốc gia.

1.3. Xây dựng phần mềm ứng dụng bản đồ số hỗ trợ đầy đủ phiên bản web và di động phục vụ người dân và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể tham gia khai báo, tạo lập, tra cứu và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) bản đồ số trên nền tảng Bản đồ số quốc gia.

1.4. Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa CSDL bản đồ số.

1.5. Xây dựng và cung cấp dịch vụ, bộ công cụ phát triển, phục vụ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tích hợp bản đồ số lên các ứng dụng và nền tảng khác.

1.6. Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho cơ sở dữ liệu nền tảng Bản đồ số quốc gia.

2. Xây dựng nền tảng Bản đồ số đáp ứng các tiêu chí

2.1. Nền tảng Bản đồ số quốc gia phải phù hợp với tiêu chí đánh giá nền tảng Bản đồ số quốc gia tại Phụ lục I Kế hoạch này.

2.2. Nền tảng Bản đồ số quốc gia tích hợp liên thông chia sẻ dữ liệu từ CSDL địa chỉ số quốc gia để triển khai nền tảng Bản đồ số quốc gia thống nhất với nền tảng Địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

2.3. Nền tảng Bản đồ số quốc gia đảm bảo việc chỉ đường, dẫn đường đến từng địa chỉ số trong nền tảng Địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

2.4. Nền tảng Bản đồ số quốc gia có các công cụ thực hiện việc cập nhật cơ

¹ Hạ tầng kỹ thuật gồm: Phần ứng, Phần mềm, Dữ liệu, An toàn an ninh mạng và bảo mật

sở dữ liệu nền tảng.

2.5. Nền tảng Bản đồ số quốc gia cho phép tích hợp không giới hạn các Ứng dụng (Web, IOS, Android) thông qua các cổng APIs, bộ SDK và đảm bảo đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng với số lượng hàng triệu lượt truy cập/giây.

2.6. Nền tảng Bản đồ số quốc gia thể hiện các công trình cao tầng nhằm mục đích thuận lợi trong việc tìm kiếm, thuận lợi để gắn địa chỉ số vào các công trình cao tầng (như căn hộ chung cư, căn hộ tập thể, văn phòng làm việc,...).

2.7. Nền tảng Bản đồ số quốc gia cần có công nghệ tìm kiếm thông minh đảm bảo thuận lợi trong việc tìm kiếm CSDL nền tảng và cho phép gợi ý thông minh nhất.

2.8. Khuyến khích các địa phương phối hợp thu thập, cập nhật các dữ liệu đối tượng để làm giàu CSDL quốc gia phục vụ phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu bản đồ số đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng Bản đồ số

3.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về bản đồ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý bản đồ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ, chỉ đường, dẫn đường và các dịch vụ bản đồ số khác.

3.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng Bản đồ số quốc gia phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

3.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng Bản đồ số quốc gia và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: Lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch, nông nghiệp, quản lý dân cư, bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, bản đồ du lịch thông minh,....

3.4. Triển khai việc ứng dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia vào các phần mềm quản lý hiện có của các Bộ, ngành liên quan..

4. Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu nền tảng Bản đồ số quốc gia

4.1. Xây dựng các tiêu chí kỹ thuật của nền tảng Bản đồ số quốc gia: gồm tiêu chí kỹ thuật, yêu cầu chức năng, tính năng của nền tảng, hiệu năng hoạt động, khả năng đáp ứng phục vụ số lượng lớn người dùng, chất lượng dịch vụ của nền tảng, khả năng nâng cấp, mở rộng của nền tảng, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng, và các yêu cầu kỹ thuật khác.

4.2. Xây dựng các tiêu chí CSDL nền tảng Bản đồ số quốc gia: tính chính xác của đường biên giới, địa giới các cấp, biển đảo; Số lượng dữ liệu bao phủ bề

mặt như: thủy hệ, giao thông; Số lượng dữ liệu dạng điểm như: địa chỉ, địa điểm, biển báo giao thông...

4.3. Tổ chức hội đồng hoặc nhóm chuyên gia thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận, chứng nhận đạt yêu cầu nền tảng Bản đồ số quốc gia theo kết quả đánh giá.

4.4. Tổ chức Lễ công bố nền tảng Bản đồ số quốc gia.

5. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng Bản đồ số quốc gia

5.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông, địa phương; Giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng Bản đồ số quốc gia, hướng dẫn sử dụng; Vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia; Các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia.

5.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng bản đồ số quốc gia; Tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng bản đồ số quốc gia; Truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

5.3. Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng bản đồ số quốc gia; Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng bản đồ số quốc gia.

(Chi tiết thực hiện các nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Doanh nghiệp nòng cốt phát triển nền tảng

a) Doanh nghiệp bản đồ số Việt Nam có nhu cầu tham gia Kế hoạch này gửi đăng ký tham gia Kế hoạch tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Qua Vụ Quản lý doanh nghiệp) để tham gia cùng khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số quốc gia nhằm phát triển bản đồ số quốc gia, bản đồ số chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc mục 1,2,3 mục II của Kế hoạch này và các nhiệm vụ phát sinh theo đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển

nền tảng.

c) Chủ động phối hợp cùng các cơ quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ thuộc mục 4 và 5 mục II của Kế hoạch này.

d) Doanh nghiệp phát triển nền tảng Bản đồ số chủ động xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia.

đ) Bố trí nguồn lực đầu tư nghiên cứu, làm chủ công nghệ, phát triển nền tảng đạt yêu cầu, tiêu chí của nền tảng số Bản đồ số quốc gia.

e) Gửi Kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp để phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia cho Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Thông tin và Truyền thông, Đơn vị đầu mối Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải; cơ quan, đơn vị của tỉnh, thành phố cả nước của để phối hợp thực hiện.

g) Phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai sử dụng, khai thác Nền tảng bản đồ số tại địa phương.

h) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu có báo cáo gửi Đơn vị đầu mối và Cơ quan điều phối chung (Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Thông tin và Truyền thông) về kết quả triển khai phát triển;

k) Chủ động đề xuất các vấn đề, khó khăn vướng mắc cần Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giao thông Vận tải và các cơ quan liên quan hỗ trợ, giải quyết;

l) Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng nền tảng.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông

2.1. Điều phối và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch

a) Vụ Quản lý doanh nghiệp:

- Là cơ quan đầu mối điều phối chung việc triển khai Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia (gọi là Cơ quan điều phối chung) đồng thời là Cơ quan đầu mối hỗ trợ phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia;

- Giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp nòng cốt thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt;

- Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác nền tảng Bản đồ số quốc gia;

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường và các doanh nghiệp nòng cốt để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 mục II Kế hoạch này;

- Đề xuất các chính sách, giải pháp đẩy nhanh phát triển và đưa nền tảng Bản đồ số quốc gia vào sử dụng, thúc đẩy sử dụng rộng rãi;

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục II Kế hoạch này và các nhiệm vụ phát sinh khác.

b) Cục An toàn thông tin:

- Tổ chức đánh giá an toàn thông tin mạng theo mức độ, kịp thời phát hiện, cảnh báo, hỗ trợ khắc phục lỗ hổng, điểm yếu trên nền tảng Bản đồ số quốc gia; Hướng dẫn, hỗ trợ giám sát, bảo vệ an toàn thông tin cho nền tảng số theo quy định pháp luật.

- Tổ chức diễn tập về an toàn thông tin mạng để tập huấn, nâng cao năng lực bảo vệ an toàn thông tin mạng cho nền tảng Bản đồ số quốc gia.

2.2. Công tác thông tin, tuyên truyền

a) Giao Trung tâm thông tin tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng Bản đồ số quốc gia trên cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Giao Cục Thông tin cơ sở, Cục Báo chí, Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Cục Thông tin đối ngoại, Trung tâm thông tin, Báo Vietnamnet, Tạp chí Thông tin và Truyền thông:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về nền tảng Bản đồ số quốc gia với các nội dung quy định khoản 5, mục II Kế hoạch này phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục II Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển nền tảng.

3. Mời Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải tham gia triển khai Kế hoạch:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng triển khai thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia.

b) Phối hợp UBND các tỉnh, thành phố cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số để phát triển nền tảng bản đồ số Quốc gia.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để tích hợp nền tảng Bản đồ số quốc gia để phát triển các giải pháp, nền tảng số “Make in Viet Nam” phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giao thông vận tải phối hợp chặt chẽ với đơn vị đầu mối của Bộ Thông tin và

Truyền thông, các địa phương và các doanh nghiệp phát triển nền tảng để thúc đẩy sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia, thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

e) Hỗ trợ Doanh nghiệp nông cốt phát triển nền tảng các điều kiện đảm bảo triển khai thử nghiệm (hạ tầng, quy chế sử dụng hệ thống thử nghiệm, điều kiện thực hiện đào tạo, tập huấn,...).

4. Đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan, căn cứ Kế hoạch này xây dựng, trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai nền tảng Bản đồ số tại địa phương.

b) Chủ động nghiên cứu vai trò của nền tảng Bản đồ số quốc gia để thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch. Ưu tiên bố trí nguồn lực tại địa phương để tổ chức triển khai Kế hoạch.

c) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương quản lý và qua hệ thống truyền thanh cơ sở về việc triển khai nền tảng Bản đồ số quốc gia.

d) Tùy theo nhu cầu quản lý, khai thác tại địa phương, phát huy tốt nhất vai trò của nền tảng Bản đồ số quốc gia để phục vụ các ứng dụng CNTT của địa phương tiến tới phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

PHỤ LỤC I

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NỀN TẢNG BẢN ĐỒ SỐ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số..... /QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Các tiêu chí cơ bản

- Do người Việt Nam làm chủ về mặt công nghệ, làm chủ về dữ liệu nền tảng Bản đồ số quốc gia.
- Tính toàn vẹn, tính pháp lý về biên giới, địa giới và chủ quyền biển đảo quốc gia; sự tự chủ về dữ liệu, công nghệ, an toàn bảo mật thông tin phục vụ khai thác và tích hợp hiệu quả tại Việt Nam; chủ động tương tác hỗ trợ các đơn vị nhà nước và doanh nghiệp tại Việt Nam.
- Có văn bản chứng nhận từ Cục đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam về biên giới, địa giới và chủ quyền biển đảo Quốc gia.
- Máy chủ được đặt tại Việt Nam và có thể tích hợp với các trục dữ liệu, CSDL quốc gia.

2. Tiêu chí về công nghệ

- Đảm bảo các chức năng cơ bản của bản đồ như: tương tác bản đồ, tương tác POI (địa điểm, địa chỉ), tìm đường, tìm địa chỉ, địa điểm, chỉ đường, dẫn đường, định vị.
- Đảm bảo APIs để có thể tích hợp các ứng dụng, thiết bị, công nghệ và không giới hạn.
- Đảm bảo tích hợp liên thông chia sẻ dữ liệu từ CSDL địa chỉ số quốc gia để triển khai nền tảng Bản đồ số quốc gia thống nhất với nền tảng Địa chỉ số quốc gia.
- Đồng bộ hệ trục tọa độ VN2000 của Việt Nam và WGS84 của thế giới.
- Bộ công cụ xây dựng dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính như: Giao thông, địa điểm, bản đồ số, các thuộc tính giao thông, đối tượng 3D....
- Mức zoom (Phóng to - thu nhỏ) đạt tối thiểu ở mức 22 và đáp ứng tích hợp và hiển thị dữ liệu từ 1:200 trở lên phục vụ cho các ứng dụng và các dữ liệu chuyên ngành.
- Sử dụng đa dạng các thư viện đồ họa chuyên sâu như: OpenGL ES, WebGL, Metal, Vulkan.
- Bản đồ số cần có khả năng cập nhật dữ liệu nhanh, tức thời và linh hoạt.
- Sẵn sàng tích hợp với các giải pháp hạ tầng điện toán đám mây.
- Đảm bảo yếu tố thiết kế tối ưu nhằm đáp ứng hiệu năng sử dụng ở bất cứ đâu và không giới hạn người truy cập.

3. Tiêu chí nâng cao

- Nền tảng Bản đồ số quốc gia có thể xây dựng các công trình, khu đô thị, quản

cảnh ở chế độ 3D phục vụ chuyển đổi số không gian, là giải pháp quan trọng để phát triển đô thị thông minh, quy hoạch, xây dựng hạ tầng đô thị....

- Bản đồ 4D lưu trữ dữ liệu về mặt thời gian: quá khứ, hiện tại, tương lai.
- Nền tảng Bản đồ số quốc gia có khả năng tích hợp nhiều loại công nghệ mới như tích hợp công nghệ VR360, AI, Camera AI,...
- SDK (*Software Development Kit*) cần sẵn sàng cho nhà phát triển tương thích với các ngôn ngữ lập trình phát triển trên Web, Android, IOS, React Native

4. Tiêu chí mở rộng

- Do người Việt Nam làm chủ nên cần liên tục nghiên cứu phát triển các tính năng, chức năng, hiệu năng mới để phù hợp với thực trạng công nghệ tại Việt Nam cũng như chuẩn bị cho tương lai.
- Sẵn sàng, thường xuyên đầu tư nâng cấp các phiên bản mới với các tính năng, công cụ, công nghệ tốt nhất cho nền tảng Bản đồ số quốc gia trong tương lai tối thiểu 01 năm 01 lần.
- Có khả năng mở rộng quốc tế.

PHỤ LỤC II

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022

1. Chỉ tiêu chung cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số: 100% đối tượng được phân loại tại Phụ lục III được khuyến dùng nền tảng Bản đồ số quốc gia và có trách nhiệm thu thập cơ sở dữ liệu nền tảng.

2. Chỉ tiêu riêng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 (một) nền tảng bản đồ số được đưa vào sử dụng, trong đó tích hợp ít nhất 05 (năm) ứng dụng nghiệp vụ của địa phương đó.

- Hoàn thành thu thập cơ sở dữ liệu nền tảng.

3. Chỉ tiêu riêng cho doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số:

- Tối thiểu có 1.000.000 (một triệu) truy vấn bản đồ số/tháng.

- Cung cấp dịch vụ, nền tảng bản đồ số cho ít nhất 10 (mười) doanh nghiệp bên ngoài khai thác sử dụng.

- Hoàn thiện các tiêu chí ở Phụ lục I về mặt công nghệ.

B. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

TT	Thời gian	Công việc	Kết quả cần đạt
1	Tháng 1-2	- Xây dựng dự thảo Kế hoạch của Bộ thông tin và truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia. - Xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí đánh giá nền tảng.	Xin ý kiến dự thảo và tiếp thu ý kiến (lần 1) để tiếp tục chỉnh sửa.
2	Tháng 3-4	- Tiếp tục hoàn thiện dự thảo kế hoạch của Bộ và Bộ tiêu chí đánh giá nền tảng số quốc gia. - Đôn đốc các doanh nghiệp nòng cốt xây dựng dự thảo Kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp phát triển nền tảng Bản đồ số quốc gia.	Xin ý kiến dự thảo và tiếp thu ý kiến (lần 2) về: + Kế hoạch phát triển nền tảng Bản đồ số của Bộ TTTT; + Bộ tiêu chí đánh giá nền tảng số quốc gia về Bản đồ số.

TT	Thời gian	Công việc	Kết quả cần đạt
3	Tháng 5/2022	Xây dựng, trình phê duyệt Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng Nền tảng Bản đồ số quốc gia	Trình phê duyệt Kế hoạch
4	Tháng 6/2022	Đôn đốc các doanh nghiệp nông cốt phát triển nền tảng xây dựng, phê duyệt Kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp phát triển Nền tảng Bản đồ số quốc gia	Kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp phát triển Nền tảng Bản đồ số quốc gia
5	Tháng 7	- Các doanh nghiệp nông cốt triển khai xây dựng, phát triển nền tảng Bản đồ số; - Các doanh nghiệp nông cốt đề xuất các yêu cầu, tiêu chí đánh giá đối với Nền tảng Bản đồ số quốc gia; - Tổ chức làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải và các đơn vị liên quan và các Doanh nghiệp nông cốt để: + Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu + Thống nhất triển khai thực hiện + Hỗ trợ, tạo điều kiện cho Doanh nghiệp nông cốt triển khai	- Dự thảo và trình các tiêu chí đánh giá nền tảng số Bản đồ số quốc gia - Kết nối được các doanh nghiệp nông cốt với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để triển khai Kế hoạch
6	Tháng 8	- Các doanh nghiệp nông cốt triển khai xây dựng, phát triển Nền tảng Bản đồ số; - Cử chuyên gia phối hợp với doanh nghiệp tham gia đánh giá thử nghiệm nền tảng Bản đồ số của một số doanh nghiệp.	Nền tảng số được kiểm thử
7	Tháng 9	- Các doanh nghiệp nông cốt đóng gói nền tảng số để triển khai đưa vào sử dụng; - Thành lập Tổ công tác theo Quyết định 186/QĐ-BTTTT đánh giá nền tảng theo các yêu cầu, tiêu chí đã thông qua. - Triển khai chiến dịch truyền thông về nền tảng số quốc gia.	Kết quả đánh giá lần 1 các nền tảng số của doanh nghiệp nông cốt với các yêu cầu cần hoàn thiện để thực hiện việc triển khai thử nghiệm.
8	Tháng 10	- Doanh nghiệp nông cốt triển khai các nền tảng số trên quy mô một số	Hệ thống được triển khai, đưa vào sử dụng

TT	Thời gian	Công việc	Kết quả cần đạt
		tỉnh, thành phố (~ 5-10 tỉnh, thành phố). - Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác triển khai.	giai đoạn 1.
9	Tháng 11	- Tổ công tác đánh giá kết quả triển khai giai đoạn 1	Kết quả đánh giá triển khai thử nghiệm. Danh sách các vấn đề còn tồn tại, cần nâng cấp, hoàn thiện có sự thống nhất của các bên liên quan về phương án thực hiện.
10	Tháng 12	- Tổ công tác và các doanh nghiệp nòng cốt phối hợp chuẩn bị nội dung Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2022. - Tổng kết báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch năm.	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nền tảng năm 2022./.

PHỤ LỤC III
PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG BẢN ĐỒ SỐ

*(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Các đơn vị nhà nước, doanh nghiệp có thể liên kết hợp tác với các doanh nghiệp bản đồ số để triển khai các hoạt động nghiệp vụ, vận hành. Cụ thể, các đối tượng có nhu cầu và tính chất nghiệp vụ cần sử dụng bản đồ số như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG	MÔ TẢ
I	Người dân	Sử dụng các tiện ích bản đồ số phục vụ nhu cầu đời sống.
II	Doanh nghiệp	Sử dụng dữ liệu và dịch vụ phục vụ phát triển hoạt động kinh tế số.
1	Logistics, taxi công nghệ, vận tải (đường bộ, đường sắt, đường không, đường thủy)	Sử dụng nền tảng bản đồ số tối ưu quản lý, phân phối, giám sát hoạt động; tối ưu tìm và chỉ dẫn đường, chuyển hướng, cảnh báo an toàn...vv phù hợp nhất dựa trên các tiêu chí.
3	Bất động sản, nhà ở	Sử dụng nền tảng bản đồ số để công khai hiện trạng, thu hút đầu tư; làm cầu nối kết nối thông tin tiện ích xung quanh với bất động sản và nhà ở.
4	Du lịch, khách sạn	Sử dụng nền tảng bản đồ số quảng bá thông tin, hình ảnh, địa điểm, tuyến du lịch trực quan hiệu quả trên không gian số. Khai thác dịch vụ bản đồ số cung cấp các tiện ích nâng cao trải nghiệm của du khách.
5	Sản xuất, phân phối, chuỗi bán lẻ; Truy xuất nguồn gốc; Quản lý chuỗi cung ứng	Sử dụng nền tảng bản đồ số thúc đẩy quản lý chặt chẽ sản xuất, phân phối tới chuỗi bán lẻ giúp doanh nghiệp giảm chi phí, tăng doanh thu và cải thiện dịch vụ khách hàng; đảm bảo hiệu quả kinh doanh rút ngắn thời gian đến thị trường. Minh bạch về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, nâng cao thương hiệu và giá trị sản phẩm. Các nhà quản lý chuỗi cung ứng sử dụng bản đồ số và dịch vụ từ bản đồ số để quản lý và đưa ra quyết định chiến lược chính xác

STT	ĐỐI TƯỢNG	MÔ TẢ
6	Nông nghiệp, trồng trọt	Sử dụng bản đồ số để thiết kế các phương án kỹ thuật canh tác hiệu quả và nền nông nghiệp số bền vững.
7	Kiến trúc, xây dựng, quy hoạch đô thị	Sử dụng nền tảng bản đồ số làm cơ sở phục vụ quy hoạch kiến trúc cảnh quan tổng thể, tối ưu hóa quy hoạch đô thị hướng đến cấp phép và sử dụng không gian hiệu quả.
8	Lĩnh vực môi trường	Sử dụng nền tảng bản đồ số và các thành tựu công nghệ 4.0 (IOT, AI) ghi nhận dữ liệu (cung cấp nước sạch, xử lý rác, nước thải và chất lượng không khí) theo dõi chặt chẽ, liên tục và tức thời từ đó đánh giá các yếu tố tác động vào môi trường đảm bảo chất lượng đời sống.
9	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và tài sản	Sử dụng nền tảng bản đồ số hỗ trợ quản lý hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài nhằm tối ưu sử dụng tài sản.
10	Phân tích dữ liệu	Sử dụng nền tảng bản đồ số để tích hợp các loại dữ liệu khác nhau nhằm phân tích đạt được các mục tiêu cụ thể đề ra.
III	Chính phủ	Ưu tiên sử dụng bản đồ số phục vụ hoạt động quản lý phát triển chính phủ số, xã hội số, kinh tế số.
1	Các bộ ban ngành trung ương	Thúc đẩy quản lý hiệu quả từng lĩnh vực quản lý. Phục vụ chia sẻ dùng chung thống nhất trong ngành, đồng bộ liên ngành. Tiết kiệm chi phí đảm bảo hiệu quả đầu tư.
1.1	Bộ Công an	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: dân cư, cảnh báo, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự
1.2	Bộ Tài Nguyên và Môi Trường	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường
1.3	Bộ Thông tin và Truyền thông	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông.
1.4	Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, nông thôn mới.
1.5	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: du lịch, quản lý di sản (hiện vật, khảo cổ)
1.6	Bộ Giao thông vận tải	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: giao thông vận tải đường bộ, đường sắt,

STT	ĐỐI TƯỢNG	MÔ TẢ
		đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không
1.7	Bộ Xây dựng	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng
1.8	Bộ Công thương	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, cụm khu công nghiệp
1.9	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo
1.10	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: lao động, tiền lương, người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn
1.11	Bộ Y tế	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: khám bệnh, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh
1.12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: quản lý cơ sở giáo dục, nhân lực và chất lượng
1.13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ưu tiên sử dụng trong các lĩnh vực: quản lý các khu kinh tế, đăng ký kinh doanh
2	Các sở ban ngành địa phương	Thúc đẩy quản lý hoạt động quản lý nhà nước
2.1	Công an tỉnh	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý nhân khẩu học, dữ liệu dân cư; Quản lý an toàn giao thông (biển báo, đèn tín hiệu...vv), xử lý vi phạm; Quản lý an toàn phòng cháy chữa cháy; Cảnh báo công dân.
2.2	Sở Tài Nguyên và Môi Trường	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý đất đai, quy hoạch sử dụng đất; Quản lý tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên khoáng sản, địa chất; Quản lý và giám sát môi trường; Quản lý khí tượng thủy văn; Quản lý bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Quản lý dữ liệu bản đồ quốc gia; Quản lý và cảnh báo biến đổi khí hậu
2.3	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý hiện trạng và quy hoạch phát triển mạng lưới bưu chính; Quản lý hạ tầng viễn

STT	ĐỐI TƯỢNG	MÔ TẢ
		thông; Quản lý hạ tầng vô tuyến điện, quy hoạch cấp phát, phạm vi hoạt động tần số vô tuyến điện;
2.4	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Phát triển nông nghiệp số thông minh: Lựa chọn đối tượng canh tác theo mùa vụ, nâng cao năng suất cây trồng, giám sát sâu dịch bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý vùng nguyên liệu; Phát triển nông thôn mới.
2.5	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Phát triển du lịch thông minh; Quản lý giám sát di sản, di tích lịch sử, khảo cổ.
2.6	Sở Giao thông vận tải	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Phát triển và quản lý giao thông thông minh. Quản lý giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không; Quản lý và cung cấp các dịch vụ công
2.7	Sở Xây dựng	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; Quản lý xây dựng, phát triển đô thị; Quản lý hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản;
2.8	Sở Công thương	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý quy hoạch khai thác các loại tài nguyên năng lượng; Quản lý xây dựng, phát triển mạng lưới điện lực; Quản lý hạ tầng kỹ thuật mạng lưới điện lực; Quản lý, cảnh báo các sự cố điện; Quản lý hoạt động các khu công nghiệp và xúc tiến đầu tư.
2.9	Sở Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo đổi mới quốc gia, thông tin tổ chức cá nhân hoặc doanh nghiệp theo địa phương.
2.10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý hoạt động dự báo, công bố thông tin thị trường lao động thuộc ngành, lĩnh vực; Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ
2.11	Sở Y tế	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý cơ sở y tế; Quản lý và cảnh báo

STT	ĐỐI TƯỢNG	MÔ TẢ
		dịch bệnh; Quản lý chất lượng khám chữa bệnh
2.12	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Quản lý dữ liệu các cấp giáo dục đào tạo; Quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật giáo dục
2.13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ứng dụng nền tảng bản đồ số phục vụ: Đề xuất quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Quản lý và xúc tiến đầu tư.